TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG – THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-ST
Ngày: 24 – 4 – 2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 409/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số C T, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu phố E, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/ 09/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú trình bày:

Vào ngày 11/03/2022 bà Trần Thị Thu T có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng; giấy vay tiền do bà T viết và ký tên. Bà đã giao đủ số tiền 10.000.000 đồng cho bà T, tiền lãi hàng tháng 4%/tháng. Việc thỏa thuận lãi chỉ bằng miệng, không làm giấy tờ gì hết. Từ ngày vay đến nay, bà T chưa trả cho bà số tiền nào kể cả tiền gốc và tiền lãi.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi là 4%/tháng tính từ ngày 11/3/2022 cho đến ngày 11/3/2024 (là 23 tháng), với số tiền là: 23 tháng x 10.000.000 đồng x 4%/tháng = 9.200.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà đề nghị tòa án giải quyết buộc bà T phải thanh toán cho bà tổng cộng số tiền nợ gốc là 22.500.000 đồng; trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi 5%/tháng tính từ ngày 11/3/2022 cho đến ngày 24/4/2024 (là 25 tháng), với số tiền 25 tháng x 10.000.000 đồng x 5%/tháng = 12.500.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà chỉ yêu cầu bà T thanh toán tiền nợ gốc 10.000.000 đồng; riêng yêu cầu phần tiền lãi bà xin rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2023, *trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày*:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Ú số tiền 10.000.000 đồng, giấy vay tiền ngày 11/03/2022 do bà viết và ký tên. Tuy nhiên, trong số tiền 10.000.000 đồng vay của bà Ú thì bà nhận 5.000.000 đồng, con gái của bà Ú là bé B nhận 5.000.000 đồng; hàng ngày bà phải trả lãi cứ 1.000.000 đồng là 80.000 đồng (bà trả 40.000 đồng, bé Ba trả 40.000 đồng). Bà đã trả tiền lãi cho bà Ú được 07 tháng với số tiền là 16.800.000 đồng. Sau đó, bà đưa cho bà Ú 1.000.000 đồng, đưa cho bé C (con gái bà Ú) là 2.000.000 đồng. Tổng cộng bà đã trả được 3.000.000 đồng tiền gốc. Khi trả tiền lãi và tiền gốc hai bên không làm giấy tờ gì. Như vậy, hiện bà còn nợ lại bà Ú số tiền nợ gốc là 2.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị Ú khởi kiện yêu cầu bà phải trả tổng cộng số tiền 22.500.000 đồng; trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi 12.500.000 đồng thì bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, bà xin không trả tiền lãi vì giờ hoàn cảnh bà khó khăn không đủ khả năng để trả tiền cho bà Ú.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út . Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Ú và bà Trần Thị Thu T về việc bà T đồng ý trả số tiền nợ vay 10.000.000 đồng cho bà Ú. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác đinh quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện là "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại Khu phố E, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ú yêu cầu bà Trần Thị Thu T trả số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi 12.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Ú xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền nợ lãi. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ lãi như đã nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 11/3/2022 do nguyên đơn cung cấp thể hiện "*Em Trần Thị Thu T , Quê quán M, khu phố E có vay của bà Ú số tiền 10.000.000 đồng Mười triệu chẵn.....*". Giấy vay tiền do bà T viết, có chữ ký, ghi đầy đủ họ và tên của bà Trần Thị Thu T. Tại thời điểm viết giấy vay tiền, các đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và được viết dựa trên sự tự nguyện của các bên. Như vậy, các bên đều đồng ý với các nội dung được nêu ra trong Giấy vay tiền ngày 11/3/2022. Mục đích và nội dung của giao kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên xác định giấy vay tiền là hợp pháp và có đủ điều kiện có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 là căn cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà T thừa nhận có vay của bà Ú số tiền 10.000.000 đồng nhưng trong đó bà nhận 5.000.000 đồng, con gái bà Ú là bé B nhận 5.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, bà T đã trả tiền gốc 3.000.000 đồng (trong đó trả cho bà Ú 1.000.000 đồng, trả cho bé C con gái bà Ú 2.000.000 đồng). Tuy nhiên, việc giao nhận tiền giữa bà T với bà Ú, bé C cũng như việc thỏa thuận giữa bà T và chị bé B không làm giấy tờ gì. Bà Ú không thừa nhận số tiền nợ gốc mà bà T đã trả. Theo yêu cầu của bà T tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2023, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu bà Ú cung cấp họ tên và địa chỉ cụ thể của chị bé B và chị bé C (đều là con gái của bà Ú) để làm rõ số tiền vay và tiền gốc đã trả nhưng bà Ú không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh số tiền đã vay và đã trả. Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Thu T đã đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho nguyên đơn. Xét đây là

sự tự nguyện của bị đơn, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do bà Ú là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 138 và Điều 140 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út . Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Ú và bà Trần Thị Thu T về việc bà Trần Thị Thu T đồng ý thanh toán số tiền nợ vay 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị Út .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Thu T trả số tiền nợ lãi 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Thu T phải chịu 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn, Bị đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Rang-TC;
- THADS TP. Phan Rang- TC;
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đường Nguyễn Thanh Thảo